

Số: **89** /2022/QĐCNTTLH

TP. Tuyên Quang, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trần Thị V và anh Ninh Thanh T

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022 về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị V.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* *Người khởi kiện*: Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh T.

* *Người bị kiện*: Anh **Ninh Thanh T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 6 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 6 năm 2022, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị V và anh Ninh Thanh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*:

Chị Trần Thị V và anh Ninh Thanh T cùng thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Ninh Ngọc H, sinh ngày 31/7/2015 cho anh Ninh Thanh T trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Chị Trần Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mức **500.000đồng** (Năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị Trần Thị V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị V và anh Ninh Thanh T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* Chị Trần Thị V và anh Ninh Thanh T đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã An Khang; TP Tuyên Quang;
- Lưu TA.

Đào Thị Thu Thủy